TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 708/2026/DS-PT
Ngày: 25-5-2026
"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Thiện Tâm;

2. Ông Nguyễn Phước Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thanh Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuỷ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2026/TLPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2026, về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 05/2026/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 202/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 2000; CCCD số 072300006673, cấp ngày 07-10-2024; nơi cư trú: ấp S, xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: Anh Võ Hồ Anh T1, sinh năm 1994; CCCD số: 072094004648, cấp ngày 25-8-2021; nơi cư trú: ấp T, phường G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Bị đơn:

1. Chị Nguyễn Thị Mẫn N, sinh năm 2000; CCCD số: 072300000439, cấp ngày 25-4-2021; nơi cư trú: ấp V, xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Mẫn N: Anh Dương Đức K, sinh năm 1985; CCCD số: 026085001375, cấp ngày 20-01-2025; nơi cư trú: ấp B, xã C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Anh Nguyễn Trường A, sinh năm 1995; CCCD số: 072095004421 cấp ngày 17-12-2019; nơi cư trú: ấp H, xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T; bị đơn Nguyễn Thị Mẫn N và anh Nguyễn Trường A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23-4-2025, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Võ Hồ Anh T1 là người đại diện theo uỷ quyền của chị T trình bày:

Chị T là thảo hụi và vợ chồng chị N, anh A có tham gia góp hụi, hụi mở trên app (online). Hụi có hoa hồng cho chủ hụi khi hốt hụi là 40%/hụi sống.

Vợ chồng chị N, anh A hốt hụi nhưng không đóng lại hụi chết. Cụ thể như sau:

+ Dây hụi thứ nhất: Hụi ngày 300.000 đồng, ngày khui 02 lần sáng và chiều (mỗi lần gọi là 01 kỳ hụi), mở ngày 19-12-2024, mãn ngày 17-01-2025; hụi gồm 60 phần, chị N tham gia 04 phần hụi:

Phần thứ 1 hốt hụi ngày 20-12-2024, số tiền 13.324.000 đồng; phần thứ 2 hốt hụi ngày 25-12-2024 số tiền 14.713.000 đồng; phần thứ 3 hốt ngày 25-12-2024 số tiền 15.050.000 đồng, phần thứ 4 hốt ngày 26-12-2024 số tiền 14.896.000 đồng; sau khi kêu hụi số tiền trên thì các bên không làm giấy, giao nhận hụi hốt được mà chỉ cấn trừ tiền các dây hụi khác qua lại với nhau; nếu dư thì chị T chuyển khoản cho chị N, nếu cấn trừ qua lại thiếu thì chị N phải chuyển khoản tiếp cho chị T. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 đóng hụi được số tiền 1.380.000 đồng (còn dư 180.000 đồng) thì ngưng không đóng nữa. Còn nợ lại tiền hụi chết 19 kỳ, với số tiền 1.200.000 đồng X 19 kỳ =22.800.000 đồng – 180.000 đồng = 22.620.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 2: Hụi ngày 200.000 đồng, ngày khui 02 lần sáng và chiều, mở ngày 17-12-2024 (DL), hụi mãn ngày 20-01-2025 (DL); hụi gồm 70 phần, chị N tham gia 05 phần hụi và đã hốt 05 phần vào các ngày 24-12-2024 số tiền 11.685.000 đồng, ngày 26-12-2024 số tiền 11.484.000 đồng, trưa 27-12-2024 số tiền 11.470.000 đồng, chiều 27-12-2024 số tiền 11.711.000 đồng và 28-12-2024 số tiền 11.323.000 đồng. Sau khi kêu hụi, các bên không làm giấy đăng hụi, giao nhận hụi hốt được mà chỉ cấn trừ tiền các dây hụi khác qua lại với nhau; nếu dư thì chị T chuyển khoản cho chị N, nếu cấn trừ qua lại thiếu thì chị N phải chuyển khoản tiếp cho chị T. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ lại tiền hụi chết 26 kỳ, với số tiền 1.000.000 đồng (05 phần) X 26 kỳ = 26.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 3: Hụi đêm 900.000 đồng, ngày khui 01 lần ban đêm, mở ngày 22-12-2024 (DL), hụi mãn ngày 20-01-2025 (DL); hụi gồm 30 phần, chị N tham gia 02 phần hụi và đã hốt 02 phần vào các ngày 23-12-2024 số tiền 22.284.000 đồng và ngày 29-12-2024 số tiền 21.234.000 đồng; sau khi kêu hụi thì các bên không làm giấy đăng hụi, giao nhận hụi hốt được mà chỉ cấn trừ tiền các dây hụi khác qua lại với nhau; nếu dư thì chị T chuyển khoản cho chị N, nếu cấn trừ qua lại thiếu thì chị N phải chuyển khoản tiếp cho chị T. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ lại tiền hụi chết 12 kỳ, với số tiền 1.800.000 đồng (02 phần) X 12 kỳ = 21.600.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 4: Hụi nóng 4.000.000 đồng, ngày khui 01 lần, mở ngày 19-12-2024 (DL), mãn ngày 12-01-2025 (DL); hụi gồm 25 phần, chị N tham gia 01 phần hụi và đã hốt 01 phần vào ngày 21-12-2024 số tiền 66.240.000 đồng, dây hụi này không cung cấp được giấy tờ cấn trừ và chuyển khoản cho chị N. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ lại 04 kỳ hụi, với số tiền 4.000.000 đồng (01 phần) X 4 kỳ = 16.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 5: hụi nóng 3.000.000 đồng, ngày khui 01 lần, mở ngày 24-12-2024 (DL), mãn ngày 22-01-2025 (DL); hụi gồm 30 phần, chị N tham gia 02 phần hụi và đã hốt 02 phần, phần thứ nhất ngày 30-12-2024 số tiền 68.090.000 đồng, phần hụi này không cung cấp được giấy tờ cấn trừ và chuyển khoản cho chị N và phần thứ 2 ngày 02-01-2025, khi hốt không làm giấy đăng hụi mà có tính tiền trên zalo sau khi cấn trừ tiền các dây hụi khác, nếu dư thì chị T sẽ chuyển khoản cho chị N. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ lại 14 kỳ hụi, với số tiền 6.000.000 đồng (02 phần) X 14 kỳ = 84.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 6: Hụi nóng 2.000.000 đồng, ngày khui 01 lần, mở ngày 04-01-2025 (DL), mãn ngày 28-01-2025 (DL); hụi gồm 25 phần, chị N tham gia 01 phần và đã hốt vào ngày 06-01-2025 số tiền 38.200.000 đồng; sau khi kêu hụi thì các bên không làm giấy đăng hụi, giao nhận hụi hốt được mà cấn trừ tiền các dây hụi khác qua lại với nhau; nếu dư thì chị T chuyển khoản cho chị N, nếu cấn trừ qua lại thiếu thì chị N phải chuyển khoản tiếp cho chị T. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Do đó, còn nợ lại tiền hụi chết 20 kỳ hụi, với số tiền 2.000.000 đồng (01 phần) X 20 kỳ = 40.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 7: Hụi nóng 2.000.000 đồng, ngày khui 01 lần, mở ngày 28-12-2025 (dương lịch), mãn ngày 21-01-2025 (DL); hụi gồm 25 phần, chị N tham gia 01 phần hụi và đã hốt vào ngày 28-12-2024 số tiền 32.320.000 đồng; sau khi kêu hụi thì các bên không làm giấy đăng hụi, giao nhận hụi hốt được mà cấn trừ tiền các dây hụi khác qua lại với nhau; nếu dư thì chị T chuyển khoản cho chị N, nếu cấn trừ qua lại thiếu thì chị N phải chuyển khoản tiếp cho chị T. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Do đó, còn nợ lại hụi chết 13 kỳ hụi, với số tiền 2.000.000 đồng (01 phần) X 13 kỳ = 26.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 8: Hụi nóng 2.000.000 đồng, ngày khui 01 lần, mở ngày 30-12-2024 (DL), mãn ngày 23-01-2025 (DL); hụi gồm 25 phần, chị N tham gia 01

phần hụi và đã hốt ngày 05-01-2025 số tiền 39.640.000 đồng. Sau khi kêu hụi, các bên không làm giấy đăng hụi, giao nhận hụi hốt được mà chỉ cấn trừ tiền các dây hụi khác qua lại với nhau và chuyển khoản. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ lại tiền hụi chết 15 kỳ hụi, với số tiền 2.000.000 đồng (01 phần) X 15 kỳ = 30.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 9: Hụi ngày 800.000 đồng, ngày khui 01 lần, mở ngày 02-01-2025 (DL), mãn ngày 27-01-2025 (DL); hụi gồm 26 phần, chị N tham gia 02 phần và hốt vào các ngày 02-1-2025 số tiền 14.355.000 đồng và ngày 04-01-2025 số tiền 16.069.000 đồng. Sau khi kêu hụi, các bên không làm giấy đăng hụi, giao nhận hụi hốt được mà chỉ cấn trừ tiền các dây hụi khác qua lại với nhau. Chị N đóng dây hụi đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ tiền hụi chết 19 kỳ, với số tiền 1.600.000 đồng (02 phần) X 19 kỳ = 30.400.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 10: Hụi ngày 700.000 đồng, ngày khui 01 lần, mở ngày 12-12-2024 (DL), mãn ngày 10-01-2025 (DL), hụi gồm 30 phần, chị N tham gia 03 phần hụi và đã hốt vào các ngày 17-12-2024 số tiền 17.480.000 đồng, ngày 23-12-2024 số tiền 18.272.000 đồng và ngày 25-12-2024 số tiền 18.912.000 đồng. Sau khi kêu hụi, các bên không làm giấy đăng hụi, giao nhận hụi hốt được mà chỉ cấn trừ tiền các dây hụi khác qua lại với nhau và chuyển khoản. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ lại tiền hụi chết 02 kỳ hụi, với số tiền 2.100.000 đồng (03 phần) X 02 kỳ = 4.200.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 11: Hụi ngày 600.000 đồng, ngày khui 01 lần, mở ngày 05-01-2025 (DL), mãn ngày 05-02-2025 (DL); hụi gồm 32 phần, chị N tham gia 01 phần hụi và đã hốt vào ngày 05-01-2025 số tiền 13.927.000 đồng. Sau khi kêu hụi, các bên không làm giấy đăng hụi, giao nhận hụi hốt được mà chỉ cấn trừ tiền các dây hụi khác qua lại với nhau và chuyển khoản. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ lại tiền hụi chết 28 kỳ hụi, với số tiền 600.000 đồng (01 phần) X 28 kỳ = 16.800.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 12: Hụi ngày 500.000 đồng, ngày khui 01 lần, mở ngày 26-12-2024 (DL), mãn ngày 25-01-2025 (DL); hụi gồm 30 phần, chị N tham gia 02 phần hụi và đã hốt 02 phần vào ngày 27-12-2024 số tiền 11.780.000 đồng và ngày 02-01-2025 số tiền 12.870.000 đồng. Sau khi kêu hụi, các bên không làm giấy đăng hụi, giao nhận hụi hốt được mà chỉ cấn trừ tiền các dây hụi khác qua lại với nhau và chuyển khoản. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ lại tiền hụi chết 16 kỳ, với số tiền 1.000.000 đồng (02 phần) X 16 kỳ = 16.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 13: Hụi ngày 500.000 đồng, ngày khui 01 lần, mở ngày 01-01-2025 (DL), mãn ngày 09-02-2025 (DL); hụi gồm 40 phần, chị N tham gia 01 phần hụi và đã hốt 01 phần vào ngày 02-01-2025 số tiền 14.370.000 đồng. Sau khi kêu hụi, các bên không làm giấy đăng hụi, giao nhận hụi hốt được mà chỉ cấn trừ tiền các dây hụi khác qua lại với nhau và chuyển khoản. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ lại tiền hụi chết 32 kỳ, với số tiền 500.000 đồng (01 phần) X 32 kỳ = 16.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 14: Hụi ngày 400.000 đồng, ngày khui 01 lần, mở ngày 31-12-2024 (DL), mãn ngày 25-01-2025 (DL); hụi gồm 26 phần, chị N tham gia 02 phần hụi và đã hốt 02 phần vào các ngày 01-01-2025 số tiền 8.160.000 đồng và ngày 03-01-2025 số tiền 8.564.000 đồng. Sau khi kêu hụi, các bên không làm giấy đăng hụi, giao nhận hụi hốt được mà chỉ cấn trừ tiền các dây hụi khác qua lại với nhau và chuyển khoản. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ lại tiền hụi chết 17 kỳ số tiền 800.000 đồng (02 phần) X 17 = 13.600.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 15: Hụi ngày 300.000 đồng, ngày khui 01 lần, mở ngày 28-12-2024 (DL), mãn ngày 26-01-2025 (DL), hụi gồm 30 phần, chị N tham gia 03 phần hụi và đã hốt 03 phần; phần thứ nhất hốt ngày 31-12-2024 số tiền 7.332.000 đồng, phần thứ 2 ngày 02-01-2025, phần thứ 3 ngày 06-01-2025 số tiền 8.080.000 đồng. Tuy nhiên, đối với phần hụi thứ 2 nguyên đơn không cung cấp được chứng từ chuyển khoản tiền đăng hụi cho chị N. Các phần còn lại các bên có giấy tính toán cấn trừ trong zalo sau khi cấn trừ tiền các dây hụi khác thì có chuyển khoản. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ 18 kỳ hụi, với số tiền 900.000 đồng (03phần) X 18 = 16.200.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 16: Hụi ngày 300.000 đồng, chị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị N trả số tiền 46.800.000 đồng. Tuy nhiên, do nhầm lẫn, dây hụi này chị T xác định bị đơn không còn nợ, nên rút yêu cầu khởi kiện số tiền này.

+ Dây hụi thứ 17: Hụi ngày 3.000.000 đồng, ngày khui 01 lần, mở ngày 28-12-2024 (DL), mãn ngày 18-01-2025 (DL), hụi gồm 22 phần, chị N tham gia 02 phần hụi và đã hốt 02 phần vào ngày 29-12-2024 số tiền 53.000.000 đồng và ngày 01-01-2025 số tiền 51.260.000 đồng. Sau khi kêu hụi, các bên không làm giấy tờ đăng hụi, giao nhận hụi hốt được mà chỉ cấn trừ tiền các dây hụi khác qua lại với nhau và chuyển khoản. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ lại tiền hụi chết 10 kỳ, với số tiền 6.000.000 đồng (02 phần) X 10 = 60.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 18: Hụi ngày 200.000 đồng, ngày khui 01 lần, mở ngày 26-12-2024 (DL), mãn ngày 03-02-2025 (DL), hụi gồm 40 phần, chị N tham gia 03 phần hụi và đã hốt 03 phần vào các ngày 30-12-2024 số tiền 68.090.000 đồng, ngày 03-01-2025 số tiền 6.573.000 đồng, ngày 04-01-2025 số tiền 6.730.000 đồng. Sau khi kêu hụi, các bên không làm giấy đăng hụi, giao nhận hụi hốt được mà chỉ cấn trừ tiền các dây hụi khác qua lại với nhau và chuyển khoản. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ tiền hụi chết 26 kỳ, với số tiền 600.000 đồng (03 phần) X 26 kỳ = 15.600.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 19: Hụi ngày 200.000 đồng; chị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị N trả số tiền 47.000.000 đồng. Tuy nhiên, do nhầm lẫn, dây hụi này chị T xác định bị đơn không còn nợ, nên rút yêu cầu khởi kiện số tiền này.

+ Dây hụi thứ 20, hụi ngày 2.000.000 đồng, ngày khui 01 lần, mở ngày 25-12-2024 (DL), mãn ngày 15-01-2025 (DL), hụi gồm 22 phần, chị N tham gia 02 phần hụi và đã hốt 02 phần vào ngày 28-12-2024 số tiền 32.200.000 đồng và

ngày 30-12-2024 số tiền 34.800.000 đồng. Sau khi kêu hụi, các bên không làm giấy tờ đăng hụi, giao nhận hụi hốt được mà chỉ cấn trừ tiền các dây hụi khác qua lại với nhau và chuyển khoản. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ lại tiền hụi chết 07 kỳ, với số tiền 4.000.000 đồng (02 phần) X 07 kỳ = 28.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 21: Hụi ngày 1.000.000 đồng, ngày khui 01 lần, mở ngày 04-01-2025 (DL), mãn ngày 28-01-2025 (DL); hụi gồm 25 phần, chị N tham gia 02 phần hụi và đã hốt 02 phần vào ngày 04-01-2025 số tiền 19.040.000 đồng và ngày 06-01-2025 số tiền 19.420.000 đồng. Sau khi kêu hụi, các bên không làm giấy tờ đăng hụi, giao nhận hụi hốt được mà chỉ cấn trừ tiền các dây hụi khác qua lại với nhau và chuyển khoản. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ lại tiền hụi chết 20 kỳ, với số tiền 2.000.000 đồng (02 phần) X 20 kỳ = 40.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 22: Hụi 03 ngày 6.000.000 đồng, 03 ngày khui 01 lần, mở ngày 10-12-2024 (DL), mãn ngày 14-01-2025 (DL); hụi gồm 12 phần, chị N tham gia 02 phần hụi và đã hốt 02 phần vào ngày 16-12-2024 số tiền 56.400.000 đồng và ngày 22-12-2024 số tiền 59.190.000 đồng. Sau khi kêu hụi, các bên không làm giấy đăng hụi, giao nhận hụi hốt được mà chỉ cấn trừ tiền các dây hụi khác qua lại với nhau và chuyển khoản. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ lại tiền hụi chết 02 kỳ, với số tiền 12.000.000 đồng (02 phần) X 02 kỳ = 24.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 23: Hụi 02 ngày 500.000 đồng, 02 ngày khui 01 lần, mở ngày 09-11-2024 (DL), mãn ngày 14-01-2025 (DL); hụi gồm 34 phần, chị N tham gia 02 phần hụi và đã hốt 02 phần vào ngày nào không nhớ; dây hụi này nguyên đơn không cung cấp được chứng từ chuyển khoản tiền đăng hụi cho chị N. Chị N đóng dây hụi đến ngày 08-01-2025 thì ngưng đóng. Còn nợ lại 03 kỳ hụi, với số tiền 1.000.000 đồng (02 phần) X 03 kỳ = 3.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 24: hụi tuần 7.000.000 đồng, 01 tuần khui 01 lần vào ngày ngày thứ 7 hàng tuần, mở ngày 20-10-2024 (DL), mãn ngày 18-01-2025 (DL), hụi gồm 14 phần, chị N tham gia 01 phần hụi và đã hốt 01 phần vào ngày nào không biết, dây hụi này nguyên đơn không cung cấp được chứng từ chuyển khoản tiền đăng hụi cho chị N. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ lại 07 kỳ hụi, với số tiền 7.000.000 đồng (01 phần) X 02 kỳ = 14.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 25: hụi tuần 1.000.000 đồng, 01 tuần khui 01 lần vào ngày thứ 6 hàng tuần, mở ngày 08-11-2024 (DL), mãn ngày 04-4-2025 (DL); hụi gồm 22 phần, chị N tham gia 01 phần hụi và đã hốt 01 phần vào ngày 04-01-2025 số tiền 16.240.000 đồng. Sau khi kêu hụi, các bên không làm giấy tờ đăng hụi, giao nhận hụi hốt được mà chỉ cấn trừ tiền các dây hụi khác qua lại với nhau và chuyển khoản. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ tiền hụi chết 11 kỳ, với số tiền 1.000.000 đồng X 11 kỳ = 11.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 26: hụi tuần 2.000.000 đồng, 01 tuần khui 01 lần vào ngày ngày thứ 5 hàng tuần, mở ngày 04-10-2024 (DL), mãn ngày 17-01-2025 (DL); hụi gồm 16 phần, chị N tham gia 01 phần hụi và đã hốt 01 phần vào ngày nào không biết, dây hụi này nguyên đơn không cung cấp được chứng từ chuyển khoản tiền đăng hụi cho chị N. Chị N đóng dây hụi này đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ lại hụi chết 02 kỳ hụi, với số tiền 2.000.000 đồng (01 phần) X 02 kỳ = 4.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 27: hụi 15 ngày 1.000.000 đồng, 15 ngày khui 01 lần, mở ngày 02-9-2024 (DL), mãn ngày 15-6-2025 (DL), hụi gồm 20 phần, chị N tham gia 01 phần hụi và đã hốt 01 phần vào ngày nào không biết, dây hụi này nguyên đơn không cung cấp được chứng từ chuyển khoản tiền đăng hụi cho chị N. Chị N đóng dây hụi đến ngày 08-01-2025 thì ngưng. Còn nợ lại tiền hụi chết 11 kỳ, với số tiền 1.000.000 đồng (01 phần) X 11 kỳ = 11.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 28: hụi tháng 15.000.000 đồng, chị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị N trả 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, do nhầm lẫn, dây hụi này chị T xác định bị đơn không còn nợ, nên rút yêu cầu khởi kiện số tiền này.

Do chị N và anh A là vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, sống chung và có con chung. Chị N tham gia góp hụi và hốt hụi sử dụng vào mục đích duy trì đời sống chung gia đình. Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị N, anh A có trách nhiệm liên đới trả lại cho chị T tiền nợ hụi nêu trên với số tiền tổng cộng là 590.200.000 đồng và tiền lãi tính lãi từ ngày 08-01-025 (ngày ngưng góp hụi chết) với lãi suất 10%/năm của số tiền 590.200.000 đồng đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn - chị Nguyễn Thị Mẫn N có anh Dương Đức K là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Trước đây, chị N có nợ tiền của chị T nhưng không nhớ rõ số tiền nợ. Chị N có trả tiền lãi cho chị T đúng theo thoả thuận. Chị T rủ chị N tham gia hụi online để các bên cấn trừ nợ cũ. Chị N có tham gia góp nhiều dây hụi với chị T. Tuy nhiên, hiện tại không nhớ chính xác là bao nhiêu vì các thông tin về hụi đều do chị T quản lý và kiểm soát.

Khi tham gia góp hụi, chị N không biết rõ thông tin về các hụi viên còn lại, không có danh sách hụi viên; khi hốt hụi và đăng hụi chị T cũng là người tự tính, cấn trừ tiền nợ, tiền lãi rồi chuyển khoản phần còn lại cho chị N; không lập biên bản giao nhận.

Nay chị Nguyễn Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị Mẫn N và anh Nguyễn Trường A trả số tiền nợ trên thì chị N không đồng ý. Chị N xác định việc chị nợ tiền vay và tiền nợ hụi là giao dịch riêng, giữa cá nhân chị N với chị T, không liên quan đến anh A (chồng chị N). Hiện tại chị N còn nợ chị T tiền mượn và tiền hụi (cả gốc và lãi) còn nợ tổng cộng khoảng 200.000.000 đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị N xác định số tài khoản 0701000455691 tại Ngân hàng V là của chị N có giao dịch chuyển khoản qua lại với chị T.

Sau ngày 08-01-2025, các bên có mâu thuẫn tiền vay và tiền hụi. Chị N ngưng đóng hụi cho chị T. Đến ngày 01-3-2025, chị N và chị T có gặp nhau chốt nợ, chị N còn nợ chị T tổng cộng 270.000.000 đồng; giấy chốt nợ chị T giữ.

Nay nếu chị T có ý thương lượng với chị N thì chị N đồng ý trả cho chị T tổng cộng 400.000.000 đồng (gồm tiền vay gốc, tiền hụi gốc và lãi vay, lãi hụi); nhưng chị N chỉ đồng ý cá nhân chị N trả nợ cho chị T; vì anh A (chồng chị N) không biết và không liên quan đến số tiền nợ này.

Sau khi chị N và chị T phát sinh mâu thuẫn về tiền nợ này thì anh A mới hay biết. Anh A có liên hệ trao đổi với chị T để tìm cách giải quyết nợ. Anh A có việc làm riêng, có nguồn thu nhập ổn định để trang trải cuộc sống hàng ngày, không phụ thuộc vào chị N.

Tại bản tự khai ngày 20-8-2025, anh Nguyễn Trường A là bị đơn trình bày: Anh là chồng chị N. Anh không biết việc chị N mượn tiền và tham gia góp hụi với chị T; khi chị T yêu cầu anh trả tiền nợ cho chị N thì anh mới biết. Do anh muốn giữ hạnh phúc gia đình nên có nói anh sẽ tìm cách hỗ trợ chị N trả nợ cho chị T, nhưng các bên không thống nhất nợ nên anh không can dự nữa.

Chị T khởi kiện yêu cầu anh trả tiền nợ trên cho chị T là không có căn cứ, anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T đối với anh.

Anh đang ở tại nhà mẹ anh. Chị N ở nhà cha mẹ chị N. Anh buôn bán quán nhậu và sửa xe máy tại nhà nên có nguồn thu nhập ổn định, đảm bảo nuôi sống bản thân và nuôi con anh, không liên quan tới chị N và không phụ thuộc kinh tế với chị N. Khi biết chị N chơi hụi, vay mượn tiền nhiều người để cho người khác mượn tiền, chơi hụi rồi không thu hồi được tiền nên vợ chồng anh gần như sống ly thân. Thời gian gần đây, chị N lui tới nhà mẹ anh để tiện thăm nom, chăm sóc con chung của anh.

Anh đề nghị Tòa án yêu cầu chị Nguyễn Thị Thùy T cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện việc anh có giao dịch vay mượn tiền, chơi hụi và nợ tiền hụi của chị T; nếu không có chứng cứ đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy T đối với anh.

Giao dịch giữa chị Nguyễn Thị Thùy T và chị Nguyễn Thị Mẫn N do hai bên tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu chị N và anh A liên đới trả tiền hụi tổng cộng 590.200.000 đồng, yêu cầu trả lãi chậm trả 10%/năm của số tiền 590.200.000 đồng kể từ ngày vi phạm (ngày 08-01-2025) cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện với số tiền hụi 243.800.000 đồng.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2026/DS-ST ngày 06-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy T đối với chị Nguyễn Thị Mẫn N và anh Nguyễn Trường A về "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*".

Buộc chị Nguyễn Thị Mẫn N và anh Nguyễn Trường A có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Thùy T số tiền 544.081.000 đồng (Trong đó, tiền nợ hụi chết là 494.620.000 đồng, tiền lãi chậm góp hụi là 49.461.000 đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 243.800.000 đồng (hai trăm bốn mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy T đối với yêu cầu chị Nguyễn Thị Mẫn N và anh Nguyễn Trường A trả tiền hụi chết số tiền 95.580.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 21-01-2026, chị Nguyễn Thị Thùy T có đơn kháng cáo; yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 20-01-2026, chị Nguyễn Thị Mẫn N có đơn kháng cáo; yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chị N chỉ đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị Thùy T số tiền nợ tổng cộng là 270.000.000 đồng và cá nhân chị N có nghĩa vụ trả nợ cho chị T; vì anh A không liên quan đến số tiền nợ này.

Ngày 29-01-2026, anh Nguyễn Trường A có đơn kháng cáo; yêu cầu sửa bản án sơ thẩm; anh A không đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng chị Nguyễn Thị Mẫn N trả nợ cho chị Nguyễn Thị Thùy T, vì anh A không biết số tiền nợ này.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thùy T, chị Nguyễn Thị Mẫn N và anh Nguyễn Trường A; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

+ Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng góp hụi là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

+ Chị Nguyễn Thị Thùy T, chị Nguyễn Thị Mẫn N và anh Nguyễn Trường A kháng cáo bản án sơ thẩm phù hợp với quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thùy T, chị Nguyễn Thị Mẫn N về số tiền nợ hụi; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo chị T là nguyên đơn trình bày, chị T là thảo hụi và vợ chồng chị N, anh A có tham gia góp hụi và lĩnh hụi (hốt hụi) nhiều lần nhưng không đóng hụi chết nên còn nợ tổng cộng là 590.200.000 đồng. Bị đơn chị N thừa nhận chỉ nợ chị T tổng cộng là 270.000.000 đồng, nhưng chị N không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của chị N. Đồng thời, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do chị T cung cấp thể hiện chị N nợ chị T số tiền nợ hụi tổng cộng là 494.620.000 đồng; nên cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị T; buộc chị N, anh A có trách nhiệm liên đới trả cho chị T số tiền nợ hụi tổng cộng 494.620.000 đồng và tiền lãi chậm góp hụi là 49.461.000 đồng là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Chị N thừa nhận nợ nhưng chị N chỉ đồng ý trả cho chị T số tiền nợ tổng cộng là 270.000.000 đồng, nhưng chị N không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của chị N; do đó, không chấp nhận lời trình bày của chị N.

2.2. Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mẫn N và anh Nguyễn Trường A, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm; không buộc anh A có trách nhiệm liên đới cùng chị N trả nợ cho chị Nguyễn Thị Thùy T, nhận thấy:

Chị N và anh A là vợ chồng, số tiền nợ hụi này trong thời kỳ hôn nhân, nên có cơ sở xác định số tiền thu được từ tiền nợ hụi này để sử dụng chung trong thời gian anh chị là vợ chồng; khi chị T đòi nợ, anh A có thoả thuận hứa trả nợ nhưng sau đó không thống nhất được nợ; nên cấp sơ thẩm buộc anh A có trách nhiệm liên đới cùng chị N trả nợ hụi cho chị T là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thùy T, chị Nguyễn Thị Mẫn N, anh Nguyễn Trường A; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thùy T, chị Nguyễn Thị Mẫn N và anh Nguyễn Trường A; nên mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thùy T, chị Nguyễn Thị Mẫn N và anh Nguyễn Trường A.

3. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 05/2026/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Tây Ninh.

4. Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

4.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy T đối với chị Nguyễn Thị Mẫn N và anh Nguyễn Trường A về "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*".

Buộc chị Nguyễn Thị Mẫn N và anh Nguyễn Trường A có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Thùy T số tiền 544.081.000 (năm trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm tám mươi mốt nghìn) đồng. Trong đó: tiền nợ hụi là 494.620.000 đồng, tiền lãi chậm góp hụi là 49.461.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 243.800.000 (hai trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm nghìn) đồng.

4.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy T đối với yêu cầu chị Nguyễn Thị Mẫn N và anh Nguyễn Trường A trả tiền hụi chết số tiền 95.580.000 (chín mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi nghìn) đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Chị Nguyễn Thị Mẫn N và anh Nguyễn Trường A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 25.763.000 (hai mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

5.2. Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 4.779.000 (bốn triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền

tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Thùy T đã nộp là 19.088.500 đồng theo biên lai thu số 0006600 ngày 20-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tây Ninh. Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10, tỉnh Tây Ninh hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thùy T số tiền 14.309.500 (mười bốn triệu, ba trăm lẻ chín nghìn, năm trăm) đồng.

6. Về án phí phúc thẩm:

6.1. Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0002049 ngày 27-01-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

6.2. Chị Nguyễn Thị Mẫn N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0001799 ngày 23-01-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

6.3. Anh Nguyễn Trường A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0002261 ngày 29-01-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDTC
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 10;
- Phòng THADS Khu vực 10;
- Phòng GĐ, KT, TT&THA;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn